

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 26/2025/CV-CRL ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cara Legend về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường cho dự án “Đầu tư xây dựng nhà ở chung cư Kim Cương Đỏ - Cara Legend” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 7782/TTr-SNNMT ngày 16 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cara Legend, địa chỉ tại Số 139 Trần Hưng Đạo, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Đầu tư xây dựng nhà ở chung cư Kim Cương Đỏ - Cara Legend”, địa chỉ tại khu vực I, đường 3 tháng 2, phường An Bình, thành phố Cần Thơ với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở

1.1. Tên dự án đầu tư/cơ sở: Đầu tư xây dựng nhà ở chung cư Kim Cương Đỏ - Cara Legend.

1.2. Địa điểm hoạt động: Khu vực I, đường 3 tháng 2, phường An Bình, thành phố Cần Thơ.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định

thành lập: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1801786362 do Phòng Đăng ký Kinh doanh, Sở Tài chính thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 15 tháng 4 năm 2025.

1.4. Mã số thuế: 1801786362.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng nhà ở chung cư, gồm căn hộ nhà ở, căn hộ thương mại, dịch vụ và các tiện ích khác.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở

- Diện tích: 4.172,2 m².

- Nhóm dự án: Dự án có tổng mức đầu tư là 825.000.000.000 đồng, phân loại dự án nhóm B theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công.

- Dự án đầu tư nhóm I, II hoặc III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường: dự án đầu tư nhóm III theo quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

- Công suất và quy trình công nghệ sản xuất của các dây chuyền sản xuất được xem xét cấp phép tại Giấy phép môi trường này:

+ Công suất: Khu nhà ở chung cư gồm khối tòa nhà gồm 25 tầng nổi và 2 tầng hầm, chia thành 2 block A và B gồm 505 căn hộ để ở và 12 căn hộ thương mại, 02 khu nhà trẻ, 02 khu sinh hoạt cộng đồng, 01 hồ bơi. Quy mô dân số: khoảng 1.020 người.

+ Quy trình công nghệ, dự án thuộc loại hình nhà ở chung cư, quy trình hoạt động của dự án như sau: Tổ chức quy hoạch → chuẩn bị mặt bằng → xây dựng → đưa vào sử dụng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này (nếu có).

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Một thành viên Cara Legend có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải

bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày..... tháng 12 năm 2035).

Điều 4. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường An Bình tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ NN và MT;
- CT UBND thành phố;
- Công ty TNHH Một thành viên Cara Legend;
- UBND phường An Bình;
- Cổng Thông tin điện tử TP;
- VP UBND TP (2H);
- Lưu: VT.vk

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Chí Hùng

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 12 năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nguồn tiếp nhận nước thải của dự án là công thoát nước thải công cộng trên đường 3 tháng 2, khu vực I, phường An Bình, thành phố Cần Thơ.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Nước thải của dự án sau khi xử lý được đầu nối thoát vào hệ thống thu gom, thoát nước thải của tuyến đường 3 tháng 2, khu vực I, phường An Bình, thành phố Cần Thơ.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiều 3^0): X=1107104,3304; Y=582151,1333.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 255 m³/ngày đêm theo công suất của hệ thống xử lý nước thải.

2.4. Phương thức xả nước thải: Nước thải của dự án sau khi được xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải đảm bảo đạt Cột A - QCVN 14:2025/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung ($F \leq 2.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$) và được bơm từ bể xử lý nước thải tại tầng hầm B2 của Khu chung cư lên hố ga thoát nước thải, sau đó tự chảy về điểm đầu nối thoát nước thải.

2.5. Chế độ xả nước thải: liên tục (24/24 giờ).

2.6. Chất lượng nước thải trước khi được đầu nối vào hệ thống công thu gom, thoát nước thải công cộng trên đường 3 tháng 2, khu vực I, phường An Bình, thành phố Cần Thơ bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung QCVN 14:2025/BTNMT (cột A, $F \leq 2.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$) cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 14:2025/BTNMT, cột A, $F \leq 2.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6-9	Cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ. Chủ cơ sở đề xuất quan trắc 01 lần/năm	Không thuộc đối tượng
2	BOD5 ở 200C	mg/l	≤ 25		
3	COD	mg/l	≤ 50		
4	TSS	mg/l	≤ 35		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	$\leq 4,0$		
6	Tổng Nito	mg/l	≤ 25		
7	Tổng Photpho	mg/l	$\leq 2,5$		
8	Tổng Coliform	MPN/100ml	≤ 3.000		
9	Sunfua	mg/l	$\leq 0,2$		
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	≤ 10		
11	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	≤ 3		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Nguồn nước thải: Nước thải sinh hoạt từ các căn hộ, khu sinh hoạt cộng đồng, khu nhà trẻ và nước xả bể bơi được lắp đặt đường ống thu gom nước thải riêng và dẫn về hầm tự hoại đặt ở tầng hầm để xử lý sơ bộ trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất $255 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ tại tầng hầm B2.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Nước thải phát sinh tại cơ sở dự án được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $255 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (Cột A, $F \leq 2.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$).

- Tóm tắt quy trình công nghệ của hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất $255 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$: Nước thải sinh hoạt từ các căn hộ + Nước thải từ chậu rửa tay, nhà vệ sinh của căn hộ thương mại, dịch vụ + Nước thải khu nhà trẻ + Nước thải khu sinh hoạt cộng đồng → Bể tự hoại 03 ngăn và bể tách mỡ → Hố thu → Bể thu gom → (Sục khí →) Bể điều hòa → (Sục khí →) Bể Anoxic → (Sục khí →) Bể MBBR → (Sục khí →) Bể Aerotank → Bể lắng (→ Bể chứa bùn) → (Chlorine →) Bể khử trùng → Bồn lọc áp lực → Bể trung gian → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh

hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (Cột A, $F \leq 2.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$), được đầu nối từ hố ga trong phạm vi dự án vào hố ga của hệ thống thoát nước công cộng hiện hữu (01 vị trí) trên vỉa hè đường 3 tháng 2.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Mật rỉ đường: 1,275 kg/ngày; NaOH, HCl: 3,825 kg/ngày; Javel: 0,765 kg/ngày; Chlorine: 0,51 kg/ngày; than hoạt tính cho hệ thống xử lý mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải: 300 kg/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ các yêu cầu về thiết kế, quy trình vận hành, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải tại cơ sở.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom, hệ thống thoát nước thải và đường ống trong hệ thống xử lý nước thải để phát hiện sớm các nguy cơ xảy ra sự cố.

- Trang bị các máy móc, thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý nước thải, đồng thời định kỳ kiểm tra hệ thống, tình trạng kỹ thuật của máy móc thiết bị đang hoạt động, thay thế sửa chữa kịp thời máy móc hư hỏng.

- Bố trí máy phát điện dự phòng để đảm bảo hoạt động liên tục của hệ thống xử lý nước thải trong trường hợp xảy ra sự cố về điện.

- Khi xảy ra sự cố, người phát hiện sự cố phải cáo báo ngay cho chủ dự án, đơn vị quản lý vận hành, cán bộ vận hành hệ thống. Chủ dự án triển khai ngay kế hoạch, quy trình ứng phó sự cố môi trường.

- Dừng ngay hoạt động của hệ thống xử lý nước thải nếu phát hiện sự cố. Chủ dự án tổ chức thực hiện khắc phục, sửa chữa công đoạn gặp sự cố của hệ thống xử lý nước thải. Kiểm tra, đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý sau khi khắc phục làm căn cứ xem xét ra quyết định đã hoàn thành khắc phục hay chưa.

1.5. Tiêu chuẩn tiếp nhận đầu nối nước thải (đối với trường hợp cấp giấy phép môi trường cho khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp): -

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

- Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm: Sau khi hoàn thành xây dựng các công trình và hạng mục hệ thống xử lý nước thải, dự kiến bắt đầu từ tháng 9/2029.

- Thời gian kết thúc vận hành: 3 tháng kể từ ngày vận hành.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất $255 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi: -

3.3. Trường hợp xả thải vào công trình thủy lợi nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước trong công trình thủy lợi, chủ dự án đầu tư, cơ sở phải báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng quản lý công trình thủy lợi.

3.4. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: -

3.5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: -

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 12 năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh chủ yếu từ khu vực lắp đặt các máy móc thiết bị của hệ thống xử lý nước thải tập trung (máy bơm, máy thổi khí);
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện dự phòng.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung), cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

STT	Thời gian áp dụng	Giá trị giới hạn Theo QCVN 26:2025/BTNMT (khu vực B)
1	Từ 6 giờ đến trước 18 giờ	55
2	Từ 18 giờ đến trước 22 giờ	50
3	Từ 22 giờ đến trước 6 giờ	45

2.2. Độ rung

STT	Thời gian áp dụng	Giá trị giới hạn Theo QCVN 27:2025/BTNMT (khu vực B)
1	Ngày (06:00 đến trước 22:00)	65
2	Đêm (22:00 đến trước 06:00)	60

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

- Có kế hoạch theo dõi, bảo dưỡng thiết bị định kỳ, đảm bảo vận hành theo đúng công suất thiết kế tránh gây ồn, theo dõi, bảo trì máy bơm trong trạm định kỳ;
- Trồng, bố trí cây xanh xung quanh để tạo cảnh quan và giảm tiếng ồn;
- Máy phát điện có vỏ cách âm bên ngoài. Xây dựng phòng đặt riêng cho máy phát điện dự phòng, nền móng đặt máy phải được bê tông, lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su, các bộ phận tiêu âm;

- Đối với tiếng ồn từ nhà kỹ thuật: Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc thiết bị; lắp đệm chống rung cho các máy móc thiết bị có độ rung cao; kiểm tra thay thế các đệm cao su và lò xo chống rung cho nền các thiết bị nếu có dấu hiệu hư hỏng; chế độ bảo trì định kỳ như bôi trơn, sửa chữa;

- Quản lý tốt các hoạt động kinh doanh, vui chơi, giải trí trong khu chung cư đảm bảo không phát sinh tiếng ồn, độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: -

2.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: -

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ
ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 12 năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên khoảng 120 kg/năm.

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (đèn led hư hỏng)	Rắn	20	16 01 13
2	Giẻ lau thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau nhiễm dầu, nhớt thải,...)	Rắn	20	18 02 01
3	Bao bì mềm thải (bao bì hóa chất, chứa chất tẩy rửa)	Rắn	10	18 01 01
4	Bao bì nhựa cứng thải (thùng, chai chứa dầu bôi trơn, bao bì chứa keo dính, sơn, dung môi lau chùi, hóa chất thải, chứa chất tẩy rửa,...)	Rắn	10	18 01 03
5	Dầu động cơ, hộp số bôi trơn, tổng hợp thải	Lỏng	10	17 02 03
6	Pin, ắc quy thải	Rắn	10	16 01 12
7	Bao bì kim loại cứng thải (bao bì chứa các chất diệt côn trùng)	Rắn	10	18 01 02
8	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	20	16 01 06
9	Các loại pin, ắc quy khác (pin sạc, pin từ thiết bị điện tử)	Rắn	10	19 06 05
Tổng số lượng			120	-

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: dự án không phát sinh chất thải rắn công nghiệp. Tuy nhiên, dự án có phát sinh các loại chất thải từ hoạt động nạo vét thoát nước và bùn thải từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải (HTXLNT).

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Khoảng 4.000 kg/năm, đơn vị quản lý hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Bùn từ công thoát nước mưa và công thoát nước thải: Khoảng 6.000 kg/năm, đơn vị quản lý hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Cát thạch anh, sỏi trong xử lý nước thải (cột lọc áp lực): Khoảng 01 m³/năm, đơn vị quản lý hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 1.766 kg/năm.

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát: -

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1 Thiết bị lưu chứa

Toàn bộ lượng chất thải nguy hại từ hoạt động được thu gom phân loại và lưu giữ vào các thùng chứa bằng nhựa hoặc thùng phuy có nắp đậy riêng biệt (theo mã nguồn CTNH) và dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại.

2.1.2 Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Kho chứa chất thải nguy hại được xây dựng vách tường hoặc panel, nền bê tông, mái che, có gờ ngăn nước mưa chảy tràn, cửa khóa kín. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (cát khô) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng. Kho bố trí trong gian phòng rác thải sinh hoạt, nhưng được xây lắp tách biệt riêng.

- Công tác quản lý, thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải nguy hại được thực hiện đúng theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Chủ cơ sở ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh.

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa trong nhà: Diện tích: 5 m²

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường: -

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa

Chủ dự án sẽ đặt các thùng chứa rác trên mỗi tầng ở các buồng thu rác và bố trí ống xả rác xuống buồng gom tập trung tại tầng trệt, thuận tiện cho người dân đổ rác. Ở mỗi vị trí đặt thùng rác tiến hành đặt 2 thùng màu khác nhau với mục đích

phân loại rác ngay tại nguồn. Các căn hộ thương mại dịch vụ trang bị thùng chứa riêng theo mô hình kinh doanh.

2.3.2 Kho/khu vực lưu chứa

- Khu vực lưu chứa: Bố trí 8 thùng loại 660 lít có nắp đậy, có bánh xe, có tay cầm, trong đó 4 thùng màu vàng và 4 thùng màu xanh tại 01 vị trí ở tầng 01 của tòa nhà (gọi là phòng chứa rác).

Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Nền bê tông, không gian kín có cửa ra vào phục vụ cho công tác lấy rác của công nhân vệ sinh. Trong khu vực này có kết nối với các đường ống rác thông với các tầng, người dân khi bỏ rác vào lòng ống sẽ theo quán tính trọng lực rơi vào thùng rác chờ sẵn bên dưới. Khi đầy sẽ có công nhân vệ sinh thay xe để tiếp tục việc thu nhận rác.

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa: diện tích 16 m².

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: -

3.1. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải nguy hại: -

3.2. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt: -

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố về điện

- Lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, hệ thống cấp nước chữa cháy, hệ thống chữa cháy bên ngoài;

- Tổ chức phối hợp với cơ quan chức năng phổ biến kiến thức, huấn luyện thực hành định kỳ hàng năm cho dân cư và thành viên Ban quản lý tòa nhà về an toàn, phòng chống cháy nổ;

- Cấm hút thuốc và sử dụng các vật dụng phát ra lửa tại các khu vực dễ cháy nổ, đảm bảo cách ly an toàn;

- Nghiêm túc thực hiện chế độ vận hành máy móc, công nghệ theo đúng quy trình của nhà sản xuất;

- Các thiết bị, các đường dây điện đảm bảo độ an toàn do nhà sản xuất quy định cũng như các quy định chung về cách điện, cách nhiệt, mỗi thiết bị điện tại các tầng tòa nhà cũng như các khu kỹ thuật đều có một cầu dao điện riêng;

- Trang bị đầy đủ các thiết bị phòng cháy chữa cháy tại chỗ tại các khu vực có nguy cơ dễ phát sinh cháy nổ.

2. Phương án, phòng ngừa ứng phó sự cố hệ thống thông khí

- Đầu tư thiết kế hệ thống điều hòa, thông thoát khí phù hợp với các khu của tòa nhà nhằm tránh tình trạng ô nhiễm không khí, nhất là tầng hầm có nhiều hoạt động của máy móc, phương tiện ô tô, xe máy;

- Chuẩn bị bộ phận, thiết bị dự phòng để thay thế kịp thời khi bị hư hỏng;
- Tuân thủ các yêu cầu về bảo dưỡng định kỳ của nhà cung cấp thiết bị;
- Nhân viên vận hành được tập huấn chương trình vận hành và bảo dưỡng hệ thống thông khí. Giám sát vận hành hàng ngày, tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho hệ thống thông khí.

3. Biện pháp phòng ngừa sự cố rò rỉ hóa chất tại khu vực chứa hóa chất

- Có lối thoát hiểm được chỉ dẫn bằng bảng hiệu, các thiết bị báo cháy và phòng cháy chữa cháy;
- Có bảng nội quy an toàn về hóa chất, trong đó có các thông tin về mã nhận dạng, hình cảnh báo, từ cảnh báo;
- Nhân viên được giao phụ trách ra vào nhà chứa hóa chất được đào tạo, nắm rõ nội quy an toàn hóa chất, thực hiện nghiêm ngặt quy định kỹ thuật, an toàn trong quá trình sử dụng;
- Thường xuyên kiểm tra hoạt động hệ thống an toàn của kho chứa hóa chất đảm bảo đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về kỹ thuật, an toàn.

4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Duy trì thường xuyên và đúng quy định hoạt động của trạm xử lý nước thải, bố trí nhân viên vận hành và giám sát HTXLNT xử lý nước thải;
- Thường xuyên kiểm tra hoạt động của HTXLNT, kiểm tra hóa chất sử dụng và chất lượng nước thải đầu ra;
- Các công đoạn có sử dụng bơm, máy thổi khí đều được trang bị 2 máy hoạt động luân phiên;
- Khi có sự cố từ trạm xử lý nước thải cần tìm ra ngay nguyên nhân và khắc phục trong thời gian sớm nhất;
- Định kỳ thu gom bùn dư từ bể lắng về bể chứa bùn, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý bùn theo quy định;
- Lập nhật ký vận hành để theo dõi tình trạng hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, việc châm hóa chất, vận hành các bơm, máy thổi khí;
- Theo dõi, thường xuyên việc châm hóa chất cho các công đoạn xử lý nhằm đảm bảo hiệu quả xử lý của hệ thống;
- Khi có sự cố thì phải tạm ngừng vận hành, chỉ vận hành lại khi khắc phục xong sự cố. Trường hợp HTXLNT bị sự cố phải ngừng hoạt động trong thời gian dài (1-3 ngày), Chủ dự án hoặc Ban quản lý tòa nhà phải có biện pháp thuê hệ thống XLNT di động xử lý tạm và liên hệ các đơn vị kỹ thuật khắc phục sự cố trong thời gian sớm nhất.

5. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tại hồ bơi

Hồ bơi có sử dụng máy xử lý tuần hoàn nước hồ bơi. Trong quá trình hoạt động, lượng nước thất thoát của hồ bơi sẽ được bổ sung bằng lượng nước cấp.

Định kỳ khoảng 3 - 6 tháng/lần, tiến hành súc rửa hồ bơi, khi đó sẽ phát sinh nước thải do vệ sinh hồ bơi, lượng nước từ việc vệ sinh bể bơi khoảng 11 m³/lần. Trường hợp hệ thống lọc tuần hoàn có sự cố, ngừng hoạt động bể bơi và tiến hành sửa chữa, khi đảm bảo mới cho phép hoạt động lại để tránh tình trạng ô nhiễm nước bể bơi, ảnh hưởng sức khỏe người sử dụng và phát sinh lượng nước thải cần phải xử lý tăng vọt.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 12 năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG: -

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC: -

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG/GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG:-

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Giấy phép môi trường là căn cứ để thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án.

2. Chủ dự án có trách nhiệm lắp đặt các công trình, hạng mục, thiết bị dây chuyền sản xuất của dự án theo nội dung báo cáo đề xuất; đồng thời, tuân thủ quy định theo Luật chuyên ngành hoạt động; đầu tư, lắp đặt các công trình, thiết bị xử lý, giảm thiểu chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án để đảm bảo xử lý các nguồn thải, chất thải phát sinh theo quy định pháp luật hiện hành; trường hợp không đảm bảo sẽ xem xét, thu hồi Giấy phép môi trường theo quy định.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn điện, an toàn vận hành, phòng cháy chữa cháy,... trong quá trình hoạt động không để ảnh hưởng đến các hoạt động của chính dự án cũng như các khu dân cư lân cận.

4. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về đầu tư và chủ trương đầu tư xây dựng dự án theo quy định pháp luật.

5. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.